

1.6.4. Dạng câu hỏi về danh động từ và động từ nguyên mẫu

NHỮNG CẤU TRÚC VỀ DANH ĐỘNG TỪ VÀ ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU THÔNG DỤNG		
STT	CẤU TRÚC	NGHĨA
1	not bother to do sth	chả buồn làm việc gì
2	accuse sb of doing sth	buộc tội ai đó đã làm gì
3	admit doing sth	thừa nhận làm điều gì
4	advise sb to do sth advise doing sth	khuyên ai đó làm việc gì khuyên làm gì
5	afford to do sth	có đủ khả năng để làm việc gì
6	agree to do sth	đồng ý làm việc gì đó
7	aim at doing sth = aim to do sth allow/permit sb to do sth = let sb do sth	nhằm mục đích làm việc gì cho phép ai làm việc gì
8	be allowed/permitted to do sth allow/permit doing sth	được phép làm gì cho phép làm gì
9	apologize to sb for doing sth	xin lỗi ai đó vì điều gì/làm gì
10	appreciate doing sth	đánh giá cao việc làm gì
11	arrange to do sth	sắp xếp để làm việc gì
12	ask/tell sb to do sth	yêu cầu/bảo ai làm việc gì
13	assist sb in doing sth	hỗ trợ ai đó làm gì
14	attempt/try to do sth try doing sth	cố gắng làm việc gì thử làm gì
15	avoid doing sth	tránh làm điều gì
16	be (un)able to do sth	(không) có khả năng làm gì
17	be (un)willing to do sth	(không) sẵn lòng làm việc gì
18	be about to do sth	chuẩn bị làm gì đó
19	be afraid to do sth = be afraid of doing sth	sợ làm gì đó
20	be ashamed to do sth	xấu hổ khi làm gì
21	be banned from doing sth	bị cấm làm gì
22	be busy doing sth	bận làm việc gì
23	be criticized for sth/doing sth	bị chỉ trích vì việc gì/làm việc gì
24	be determined to do sth	quyết tâm làm việc gì
25	be disappointed to do sth	thất vọng khi phải làm điều gì
26	be eligible to do sth be encouraged to do sth	đủ điều kiện để làm gì được khuyến khích làm cái gì
27	encourage sb to do sth encourage doing sth	khuyến khích ai làm gì khuyến khích làm gì
28	be expected to do sth expect sb do sth expect to do sth	được mong đợi, dự kiến hoặc yêu cầu làm gì đó mong đợi ai làm gì mong đợi làm gì

NHỮNG CẤU TRÚC VỀ DANH ĐỘNG TỪ VÀ ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU THÔNG DỤNG

STT	CẤU TRÚC	NGHĨA
29	be forced to do sth = be made to do sth make sb do sth = force sb to do sth	bị ép phải làm gì bắt, ép ai đó làm việc gì
30	be glad/happy to do sth	rất vui khi làm điều gì
31	be hard to do sth	khó để làm điều gì
32	be hopeful of doing sth	hy vọng làm điều gì
33	be intended to be/do sth	được dự định, có mục đích là hoặc nhằm để làm gì đó
34	be keen to do sth	thích thú, hứng thú làm việc gì
35	be likely to do sth	có khả năng, có vẻ sắp làm điều gì đó
36	be lucky to do sth	may mắn khi làm gì
37	be motivated to do sth motivate sb to do sth	được thúc đẩy để làm gì thúc đẩy, tạo động lực cho ai đó làm gì
38	be pleased to do sth	rất vui khi làm điều gì
39	be prepared to do sth = be ready to do sth	sẵn sàng để làm điều gì đó
40	be rude to do sth	thật thô lỗ khi làm việc gì
41	be sorry to do sth	lấy làm tiếc khi làm gì
42	be supposed to do sth	đáng lẽ phải làm gì
43	be surprised to do sth	ngạc nhiên khi làm điều gì
44	be used for doing sth = be used to do sth	được dùng để làm gì
45	be used to doing sth used to do sth	quen làm một việc gì đó thường làm gì nhưng giờ không còn nữa
46	be worth doing sth	đáng làm điều gì
47	beg sb to do sth	cầu xin ai làm gì đó
48	blame sb for doing sth	đổ lỗi cho ai đó vì đã làm gì
49	can't help/stand doing sth	không thể chịu đựng được việc làm gì
50	can't wait to do sth	nóng lòng muốn làm gì đó
51	choose to do sth	chọn làm điều gì
52	claim to do sth	tuyên bố làm gì
53	congratulate sb on doing sth	chúc mừng ai đó vì đã gì
54	consider doing sth	cân nhắc làm việc gì đó
55	convince sb to do sth	thuyết phục ai làm điều gì
56	criticize sb for doing sth	phê bình, trách cứ ai đó vì đã gì
57	dare sb to do sth	thách ai đó làm điều gì
58	decide to do sth = make a decision to do sth	quyết định làm gì
59	delay doing sth	trì hoãn việc làm gì
60	demand to do sth	yêu cầu làm việc gì đó
61	deny doing sth	phủ nhận đã làm việc gì
62	deter sb from doing sth	ngăn cản ai làm điều gì

NHỮNG CẤU TRÚC VỀ DANH ĐỘNG TỪ VÀ ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU THÔNG DỤNG

STT	CẤU TRÚC	NGHĨA
63	determine to do sth	quyết tâm làm điều gì
64	dread doing sth	sợ làm điều gì đó
65	empower sb to do sth	trao quyền cho ai để làm việc gì
66	enable sb to do sth	cho phép ai đó làm việc gì
67	enjoy/love/live/fancy doing sth	thích làm việc gì
	hate/dislike/detest doing sth	ghét làm gì
68	fail to do sth	không làm được việc gì
69	feel like doing sth	cảm thấy thích làm việc gì
70	finish doing sth	hoàn thành việc gì
71	forget doing sth	quên đã làm gì
	forget to do sth	quên phải làm gì
72	get sick from doing sth	bị ốm vì làm việc gì đó
73	had better do sth	tốt hơn là nên làm việc gì
74	have a choice to do sth	có sự lựa chọn để làm điều gì
75	have ability to do sth	khả năng làm điều gì
76	have sb do sth = get sb to do sth	nhờ ai đó làm gì
77	have the right to do sth	có quyền làm việc gì đó
78	hear/see/notice ... sb do sth	nghe thấy/nhìn thấy/nhận ra ... ai đó làm gì
79	hear/see/notice ... sb doing sth	nghe thấy/nhìn thấy/nhận ra ... ai đó đang làm gì
80	help (sb) (to) do sth	giúp (ai đó) làm cái gì
81	hesitate to do sth	do dự khi làm việc gì
82	hope to do sth	hy vọng làm điều gì
83	How/what about + ving = Why not + V(bare) = Why don't we + V(bare)	được dùng để đề xuất một ý tưởng hoặc gợi ý làm gì đó
84	imagine doing sth	tưởng tượng làm việc gì
85	in an attempt to do sth	trong nỗ lực để làm điều gì đó
86	in order to do sth = so as to do sth = to do sth	để làm gì
87	insist on doing sth	khăng khăng đòi làm việc gì
88	inspire sb to do sth	truyền cảm hứng cho ai đó làm việc gì
89	instead doing sth	thay vì làm gì
90	instruct sb to do sth	hướng dẫn ai làm việc gì đó
91	intend to do sth	có ý định làm gì
92	invite sb to do sth	mời ai đó làm gì
93	involve doing sth	liên quan đến việc làm gì đó
94	it is essential to do something	điều cần thiết là phải làm gì đó
95	it's compulsory to do sth	bắt buộc phải làm điều gì

NHỮNG CẤU TRÚC VỀ DANH ĐỘNG TỪ VÀ ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU THÔNG DỤNG

STT	CẤU TRÚC	NGHĨA
96	it's easy/difficult/important/useful/convenient to do sth	nó dễ/khó/quan trọng/hữu ích/thuận tiện để làm việc gì
97	it's normal to do sth	đó là bình thường khi làm gì
98	it's one's duty to do sth	đó là bổn phận của ai để làm gì
99	it's time to do sth	đã đến lúc phải làm gì
100	keep doing sth	tiếp tục làm gì
101	learn to do sth	học cách làm gì
102	make plans to do sth	lập kế hoạch để làm gì
103	manage to do sth = succeed in doing sth	thành công khi làm việc gì
104	mean doing sth mean to do sth	đồng nghĩa với việc gì có ý định làm gì
105	mind doing sth	ngại/phiền làm điều gì đó
106	mislead sb into doing sth	lừa dối ai đó làm việc gì
107	miss doing sth	bỏ lỡ việc gì đó
108	need doing sth = need to be done need sb to do sth need to do sth	cái gì cần được làm cần ai đó làm việc gì cần làm gì
109	object to doing sth	phản đối làm gì
110	offer to do sth	đề nghị làm gì
111	order sb to do sth	ra lệnh cho ai đó làm gì
112	persuade sb to do sth	thuyết phục ai làm việc gì đó
113	plan to do sth = plan on doing sth	lên kế hoạch làm gì
114	postpone doing sth	trì hoãn làm việc gì
115	practice doing sth	luyện tập làm việc gì
116	prefer doing sth to doing sth prefer to do sth/doing sth	thích làm gì hơn làm gì thích làm gì hơn
117	pretend to do sth	giả vờ làm việc gì
118	prevent sb from doing sth	ngăn cản ai làm điều gì
119	promise to do sth	hứa sẽ làm gì đó
120	propose to do sth	đề xuất làm việc gì đó
121	punish sb for doing sth	trừng phạt ai đó vì đã làm điều gì
122	push sb to do sth	ép ai đó làm gì
123	recommend doing sth recommend sb to do sth	đề nghị làm việc gì đề nghị ai làm điều gì
124	refuse to do sth	từ chối làm việc gì đó
125	regret doing sth	hối tiếc vì đã làm gì

regret to do sth	rất tiếc khi phải làm gì
126 remember doing sth	nhớ đã làm gì
remember to do sth	nhớ phải làm gì
127 remind sb to do sth	nhắc ai làm việc gì
128 risk doing sth	liều lĩnh làm điều gì
129 seem to do sth	có vẻ như làm gì
130 spend/waste time doing sth	dành thời gian/lãng phí thời gian làm gì
131 start/begin to do sth/doing sth	bắt đầu làm việc gì
132 stop doing sth	dừng hẳn làm việc gì
stop to do sth	dừng lại để làm việc đó
133 stop sb from doing sth	ngăn chặn ai làm gì đó
134 struggle to do sth	gặp khó khăn khi làm điều gì đó
135 suggest doing sth	gợi ý làm điều gì đó
136 teach sb (how) to do sth	dạy ai (cách) làm việc gì
137 tend to do sth	có xu hướng làm gì
138 thank sb for doing sth	cảm ơn ai vì đã làm gì
139 there is no use/good doing sth = there is no point in doing sth	vô ích khi làm điều gì
140 threaten to do sth	đe dọa làm điều gì
141 urge sb to do sth	thúc giục ai đó làm việc gì
142 volunteer to do sth	tình nguyện làm việc gì
143 want (sb) to do sth	muốn (ai) làm điều gì đó
144 warn sb against doing sth = warn sb not to do sth	cảnh báo ai đó không được làm việc gì
145 wish to do sth	mong ước là làm việc gì
146 would like/love to do sth	muốn/thích làm điều gì
147 would rather + V(bare)	thích làm gì hơn
would rather + V(bare) + than + V(bare)	thích làm gì hơn làm gì

BÀI TẬP VẬN DỤNG

Read the following leaflets/announcements/advertisements and mark the letter A, B, C or D to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 55.

Unlock Your Potential with MindBridge Learning!

Looking to boost your academic journey? At MindBridge Learning, we aim (1) _____ personalized tutoring that helps every student succeed.

Our mission is not just to teach students to pass exams, but also to inspire them (2) _____ learning. We encourage (3) _____ critical thinking and avoid spoon-feeding information. Every tutor is trained to tailor lessons to your needs, helping you stay motivated and engaged.

Many students admit (4) _____ to stay focused during traditional classes. That's why we offer flexible sessions that (5) _____ you to learn at your own pace. We're always happy to guide parents in choosing the right plan.

We also recommend (6) _____ time doing review exercises daily – it’s key to long-term success! You’ll be surprised at how much you can achieve by simply (7) _____ to believe in yourself.

Parents are (8) _____ to monitor their child’s progress through regular reports. We believe in transparency and communication.

Whether you aim to enter top universities or just (9) _____ to build strong study habits, we’re here to help.

Don’t (10) _____ improving your future. Book your free consultation today and experience a smarter way to learn!

- | | | | | |
|----------------------|-----------------|------------------|------------------|--------------------|
| Questions 1: | A. to providing | B. at providing | C. providing | D. provide |
| Questions 2: | A. to love | B. to loving | C. loving | D. love |
| Questions 3: | A. to practice | B. to practicing | C. practicing | D. practice |
| Questions 4: | A. struggling | B. struggle | C. to struggling | D. with struggling |
| Questions 5: | A. let | B. expect | C. allowed | D. permit |
| Questions 6: | A. to spend | B. spending | C. to spending | D. spend |
| Questions 7: | A. starting | B. avoiding | C. imagining | D. motivating |
| Questions 8: | A. determined | B. forced | C. intended | D. encouraged |
| Questions 9: | A. want | B. consider | C. hesitate | D. promise |
| Questions 10: | A. admit | B. finish | C. deny | D. postpone |

Discover Living Culture – Join the Heritage Walk Today!

Are you curious about the traditions that shape our identity? The City Heritage Walk invites you (11) _____ culture, not just observe it.

We would like you to join our guided walk through historic districts, where you’ll learn stories that textbooks can’t offer. Many participants say they can’t (12) _____ feeling connected to their roots after the tour.

This is not just a sightseeing activity – it’s a chance to interact with local artists, to listen to traditional music, and to taste authentic dishes passed down through generations.

We don’t expect you (13) _____ anything beforehand – just bring your curiosity! Our guides are (14) _____ to answer questions and to share personal experiences from growing up in the area.

You’ll also have the opportunity to try (15) _____ folk items, such as bamboo toys or calligraphy. Most guests end up (16) _____ handmade souvenirs as reminders of a rich cultural day.

We believe that to preserve culture, one must (17) _____ living it. By participating, you’re supporting community artists and traditions that deserve to be celebrated.

 Don’t just read about culture — become part of it.

 Tours run every Saturday and Sunday.

 Book your spot now. We can’t (18) _____ to welcome you!

- | | | | | |
|----------------------|----------------|----------------|--------------|-------------|
| Questions 11: | A. to inviting | B. invite | C. to invite | D. inviting |
| Questions 12: | A. help | B. expect | C. wish | D. hope |
| Questions 13: | A. to knowing | B. to know | C. know | D. knowing |
| Questions 14: | A. essential | B. compulsory | C. lucky | D. happy |
| Questions 15: | A. crafting | B. to crafting | C. to craft | D. crafted |
| Questions 16: | A. to buying | B. to buy | C. buy | D. buying |
| Questions 17: | A. pretend | B. suggest | C. recommend | D. enjoy |
| Questions 18: | A. help | B. wait | C. expect | D. agree |

ANNOUNCEMENT: Open Auditions for Campus Film Project!

We are thrilled to announce the launch of our annual Campus Film Project 2025, and we're looking for passionate students to bring their creative visions to life!

Whether you've always (19) _____ of acting, considered directing, or simply enjoy helping behind the scenes, this is your chance to shine. No prior experience is required – just the willingness to learn and collaborate.

Auditions will take place next week. Participants will be (20) _____ to perform a short scene and may also be interviewed about their interests. We (21) _____ arriving early to complete registration.

Those selected will work closely with professional mentors and have the opportunity to assist in producing a short film from start to finish. Past students have (22) _____ to win regional awards for their work!

We strongly encourage applying as a team, but individual applications are also welcome. Please note: filming will require dedication, and we do not recommend joining if you're unwilling (23) _____ time and energy.

We look forward (24) _____ your talent in action!

 Sign up by March 30 via the university website

 For questions, contact: filmclub@university.edu

 Lights, camera... your moment is here!

- | | | | |
|---------------------------------------|--------------|------------------|----------------|
| Questions 19: A. accused | B. dreamed | C. congratulated | D. prevented |
| Questions 20: A. ordered | B. advised | C. asked | D. pushed |
| Questions 21: A. advise | B. remind | C. urge | D. persuade |
| Questions 22: A. succeeded | B. expected | C. intended | D. managed |
| Questions 23: A. to committing | B. to commit | C. commit | D. committing |
| Questions 24: A. seeing | B. to see | C. to seeing | D. having seen |

Think Loud – Join the Future of Digital Journalism!

Are you passionate about storytelling in the age of social media? At Think Loud, we're looking for bold minds ready to shape the next wave of journalism.

We believe that being a journalist today means more than writing – it means (25) _____ how to capture stories, daring to challenge misinformation, and refusing (26) _____ silent when truth matters.

You'll be trained by experienced editors who won't just tell you what to do – they'll empower you (27) _____ critically, push you (28) _____ new formats, and motivate you to share your voice.

We also (29) _____ you how to manage deadlines, to build your audience, and to stay ethical in the face of viral trends. Our program isn't for those afraid (30) _____ hard questions – we want curious learners who are (31) _____ to dive into the real world.

Many of our graduates have gone on to become leading content creators, reporters, and podcast hosts.

 If you're ready to make your voice heard, apply today. Your story could be the one that changes everything.

 Visit www.thinkloundmedia.org to learn more.

 Applications close May 15.

- | | | | |
|-------------------------------------|-------------|--------------|----------------|
| Question 25: A. to know | B. know | C. knowing | D. to knowing |
| Question 26: A. to stay | B. staying | C. to stay | D. stay |
| Question 27: A. thinking | B. to think | C. think | D. to thinking |
| Question 28: A. to exploring | B. explore | C. exploring | D. to explore |

- Question 29:** A. teach B. arrange C. claim D. know
Question 30: A. to ask B. of asking C. to asking D. Both A and B are correct
Question 31: A. busy B. likely C. ready D. ashamed

Healthy Habits, Happy Life – Join Our Wellness Program Today!

Feeling tired, stressed, or out of balance? Our Wellness365 program is here to (32) _____ you take control of your health – one small step at a time.

We understand how hard it is to maintain a routine, which is why we've created a flexible, science-backed system that anyone can follow. Whether you're planning (33) _____ your energy, reduce anxiety, or simply enjoy feeling better, we've got something for you.

Our coaches will support you without judgment. We never (34) _____ anyone for struggling – we know that building habits takes time. Instead, we focus on celebrating your progress and encouraging you to (35) _____ moving forward.

You'll learn how to set realistic goals, to eat mindfully, and to stay active without (36) _____ out. Most importantly, we teach you to listen to your body, not trends.

Workshops are held weekly, both in-person and online. We recommend starting with our "30 Days to Recharge" plan, specially designed for busy people. You won't regret (37) _____ your well-being a priority.

 Join hundreds who've transformed their lives with us – your health is worth it.

 Sign up at www.wellness365.org

 Locations available in all major cities.

- Question 32:** A. beg B. warn C. help D. convince
Question 33: A. to boost B. to boosting C. boost D. boosting
Question 34: A. apologize B. blame C. accuse D. thank
Question 35: A. risk B. appreciate C. delay D. keep
Question 36: A. to burning B. to burn C. burning D. burn
Question 37: A. to make B. making C. make D. to making

For a Better Community – Let's Act Together Today!

Our neighborhoods don't change by chance — they change because people (38) _____ to do something meaningful. At WeTogether, we believe that small actions can lead to big impact, and we're calling on everyone to step up.

We strongly urge all residents (39) _____ our upcoming Clean & Green Week. Whether you're cleaning a sidewalk or planting a tree, you're shaping a safer, friendlier environment for all.

We'd also like to (40) _____ young people against littering in public areas. Not only does it harm the environment, but new policies may also punish repeat offenders for doing so.

Our team (41) _____ to start weekend workshops where locals can share skills—from repairing furniture to growing vegetables. We'd (42) _____ build solutions than wait for problems to grow.

Some say "why bother?" But the truth is, there's no (43) _____ complaining without contributing. We'd prefer working together (44) _____ in silence, and we believe you would too.

We encourage everyone to reflect. Would you rather take pride in your home, or watch it decline? The answer is clear.

It seems to be a small step, but when you stop (45) _____ issues and stop to offer help, change begins.

